

## BẢN LUẬN 18

Mười bốn đoạn giải thích thể nghĩa Đà-đà, trên đã giải thích xong năm đoạn, quyển này có kế đó tám đoạn đầy đủ, gồm một phần của đoạn thứ mười bốn. Luận này ban đầu giải thích về Loại có ba bài tụng, một bài tụng là hỏi, còn lại hai bài tụng là đáp. Trong đáp có năm phần:

1. Khích lệ Thăng sinh.
2. Khai xuất đạo.
3. Đối với sư nào mà học.
4. Trụ pháp nào mà học.
5. Không sợ sau khi chết.

Một bài tụng rưỡi trong đáp, đã đáp hai câu hỏi thứ nhất, nêu ra đủ chín đức, đã là Thăng nhân, thì có thể tưởng lệ khuyến khích Thăng sinh và khai mở xuất đạo; nửa bài tụng sau thì đáp ba câu hỏi sau. Lấy pháp, là Đạo lý; lấy chánh, là Thuận ích; lấy Thứ chế là Quĩ phạm; lấy dẫn đường là tưởng lệ khuyến khích. Lại nữa, lấy pháp là Giáo; lấy chánh là Lý; lấy chế là lấy Giáo và Lý này chế ngự; lấy Đạo là huấn dạy điều quấy; “lấy uy nghiêm mà chế phạt là nhân của lực”, là bố thí; Sĩ dụng lực là Đế thật; Trợ bạn là Tuệ và Xả. “Tại sao tuổi gọi là Lục xúc xứ”? Vì Lục xứ như con suối, phiền não như nước suối, chỗ lưu xuất của dòng suối. “Hoặc An thọ thọ sở nhiếp”, An thọ là Hỷ thọ, Sở nhiếp là Lạc. Lại cũng giải thích, lấy tâm vui thích gọi là An thọ, thích với thân gọi là Sở nhiếp, Bất an thì ngược lại điều này.

Đoạn thứ chín lại giải thích trong Lưu, có năm bài tụng phân hai đoạn:

1. Hai bài tụng hiển Dị sinh, Hữu học v.v... lần lượt có thể vượt qua Bộc lưu.
2. Ba bài tụng thuyết minh đắc Cứu cánh đạo thì vĩnh viễn vượt qua Bộc lưu.

Nghĩa của bốn Lưu như quyển 8 quyển 9 trước đã giải thích. Dị sinh do chánh tín vượt qua Dục bộc lưu, ba câu dưới đều là Hữu học vượt qua ba Bộc lưu còn lại. “Và hiển Năng chứng trụ đạo thứ nhất”, là có thể chứng Diệt tận định đạo. “Hai mươi hai Xứ”, đến Thanh văn địa sau sẽ nói rộng.

Đoạn thứ mười, trong bốn bài tụng của Tham, bài thứ nhất là hỏi, bài thứ hai là đáp, bài thứ ba là kết, bài thứ tư là thuyết minh đối trị. Trong giải thích có bốn giải thích:

1. Giải thích bài tụng thứ nhất, từ câu “thế nào là Nhuận sinh” trở xuống.

2. Giải thích bài tụng thứ hai, từ câu “hoặc có lực của thân tay” trở xuống.

3. Giải thích bài tụng thứ ba, từ câu “lại cũng có Sa-môn” trở xuống.

4. Giải thích bài tụng thứ tư, “cây Nặc-cù-đà”, là hiển Sở nhuận sinh; “Thủy”, gọi là Năng nhuận; “Tự mình”, tức là cho đến “Chủng tử giới tánh”, là hiển Sở nhuận sinh, vì Tâm tứ hiện tại do giới tánh này mà sinh. Ý nói Nặc-cù-đà từ tự căn mà sinh, do gió thổi, chim tha hạt giống rơi vào lỗ kẽ, lại sinh ra nhiều rễ cây, nường vào lỗ kẽ mà lần lượt sinh lên sau, gốc do thủy thấm nhuận mà cây lần lượt sinh. Thủy gọi là Cộng duyên, pháp của Tham khuể vì thấm nhuận Ái mà làm Cộng duyên, mỗi mỗi tự Chủng tử của nó làm Biệt duyên. “Ma-lỗ-ca điều”, là loại dây leo, đây là thí dụ cho các Dục, Cứu dịch là Ma-lâu-ca-tử. Có sáu loại Biệt dục, cũng như rừng cây, vì Tham có thể bao bọc cho nên thí dụ dây leo. Trong lược nghĩa, “trong các Dục có hai loại Biệt duyên”, văn của luận tự giải thích, gọi là Biệt phược, mỗi mỗi đều riêng chủng loại mà sinh, gọi là nhân Bất cộng; đều do Ái thấm nhuận, thì gọi là Cộng duyên. “Đoạn phương tiện thắng lợi”, nửa bài tụng trên trong bài thứ tư, là đã hiểu rõ tánh Vô thường mà không khởi tham trước, gọi là Đoạn phương tiện; nửa bài dưới tức là liền dứt bỏ, cuối cùng không có thoái chuyển, gọi là Đoạn thắng lợi. “Hoặc tham, hoặc mừng, cho đến Ái phẩm”, là trong sáu Biệt dục, chỗ sinh Ái khuể phẩm, phải biết như trước. “Đảm trước”, tức là Tâm tứ của Ý thức ở ngoài năm Trần.

Đoạn thứ mười một, trong Tác có năm bài tụng, một bài tụng thứ nhất là hỏi, bốn bài tụng còn lại là đáp. Trong giải thích, giải thích thứ nhất là giải thích bài tụng hỏi; giải thích thứ hai từ câu “lại nữa, hiển Như Lai nường vào Đệ nhất nghĩa” trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ nhất. Từ câu “đây là hiển thị Học và Vô học” trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ hai. Nếu chưa lia Dục, vì muốn vượt qua Dục lưu mà vận chân động tay, phát Cần tinh tấn, thì gọi là chưa thấu đáy. Nếu đã lia Dục, thì gọi là được tận đáy nguồn, dùng đó tiến lên để đoạn các phần Kết của cõi trên, không vận tay động chân siêng năng mà gia tăng tinh tấn, thì gọi là chẳng phải thân phần, đây là hiển thị từ câu “Bà-la-môn” trở xuống, là giải thích bài tụng đáp thứ ba. Từ câu “người đắc Tĩnh lực thì vĩnh viễn đoạn tất cả” trở xuống là giải thích bài tụng đáp thứ tư.

Đoạn thứ mười hai, bốn bài tụng rưỡi, trong Cù lao có ba vấn đáp,

thứ nhất hỏi Phật là Bí-sô, hỏi đã vượt qua Bộc lưu hay chưa. Thứ hai là hỏi Niết-bàn và Diệt định đã vượt qua Bộc lưu hay chưa. Phật nói cho biết là đúng vậy! Bài tụng thứ ba có hai câu hỏi:

1. Nương vào câu hỏi trên mà đặt câu hỏi thứ nhất, “ông đã vượt qua Bộc lưu chưa, cũng như dòng sông v.v...”.

2. Nương vào câu hỏi trên mà đặt câu hỏi thứ hai, “như thế nào là không phan duyên không dừng trụ, đã vượt qua Bộc lưu chưa”.

Còn lại hai bài rưỡi là đáp, một bài rưỡi thứ nhất đáp “có Bộc lưu nhưng cũng chưa vượt qua”. Một bài tụng sau cùng là đáp hai câu hỏi trên, nhưng hai câu cuối lấy kệ ứng tụng của kinh này, cho nên văn dễ hiểu, lược chỉ ra cho biết. “Kỳ-diễm” là ứng tụng. Trong văn Trường hàng này, có ba đoạn:

1. Chỉ ra không có phan duyên, không có trụ.

2. Từ câu “Thế Tôn nương vào chỗ thị hiện xưa kia mà tu tập” trở xuống, tổng giải thích ý của bài tụng. “Chưa đối diện mà ngồi xuống, đoạn phi phương tiện, khi tà chấp nắm lấy tinh tấn thì có cù lao kia cho đến phiêu trầm, toà bồ-đề” trở xuống, là đối với tà tinh tấn đặc đoạn Biến tri, liền xả cù lao cho đến phiêu trầm.

3. Trong đây hiển thị “khi tu khổ hạnh” trở xuống, giải thích hai câu đáp trước, có ba đoạn:

a) Đáp câu hỏi thứ nhất, “đã vượt qua Bộc lưu chưa, cũng như dòng sông v.v...”.

b) “Tại sao lại nương vào niết-bàn v.v...”.

c) “Không phan duyên không dừng trụ, đã vượt qua Bộc lưu chưa”.

Phi phương tiện, là chỗ của Nặc-kiền-đà, mỗi ngày ăn một hạt mè, tự tu tà khổ hạnh. Ốt-đạt-lạc-ca, nghĩa là dững mãnh sung thịnh, Cựu dịch là Uất-đầu-lam tử, ở chỗ của Nặc-kiền-đà kia mà tu Phi tưởng định. A-la-trà, nghĩa là gặp lỗi, Cựu dịch là A-lam-ca-lam, ở chỗ của Nặc-kiền-đà kia mà tu Vô sở hữu xứ định, tức là hiển Khổ hạnh trước Lạc hạnh. Bốn nghĩa xả Cù lao trong đây, là từ câu “lại sau khi ngồi toà bồ-đề” trở xuống, làm câu xả Cù lao thứ nhất. “Hễ có thiện pháp liền được tăng trưởng” là câu Cù lao thứ hai; từ câu “như như thiện pháp đã tăng trưởng” trở xuống, là xả Trụ thứ ba. Từ câu “đã do bất tri tức như vậy” trở xuống là xả mục tiêu thứ ba, cho nên nói như phần kế tiếp. “Trở lại dừng trụ tại Địa của cõi dưới mà sinh”, tức là Đối Pháp ghi: “Có vài vị Thánh đệ tử đã lìa dục của cõi Sắc, đắc Tĩnh lự giải thoát định của cõi Vô sắc, sau đó sinh lại cõi Sắc hay sao”? Đáp rằng có, là đắc Diệt tận định rồi sinh lại cõi Sắc, tức là câu nói trên. Bài tụng này

có ý nói, ngoại đạo có Cù lao v.v..., Thế Tôn ta đã lìa sinh tử chứng Niết-bàn, là quyết định đã lìa Cù lao. Nếu Thánh thoái chuyển, là có Cù lao, Thánh không thoái chuyển, là quyết định đã lìa Cù lao.

Đoạn thứ mười ba, trong phần đặc nghĩa Đà-đà, một bài rưỡi là hỏi, một bài rưỡi là đáp. Thiện kiến, Thiện tri, Thiện giám, Thiện đạt, vì trí bốn Đế thứ tự như vậy nên biết.

Đoạn thứ mười bốn, từ câu “các Hành vô thường” trở xuống, có bốn mươi bốn bài tụng. Trong giải thích Luận nghị, phân làm hai mươi bảy đoạn, phân tích và xiển dương lý sâu cho nên gọi là Luận nghị. Trong giải thích bài tụng thứ nhất, vẫn có bốn đoạn:

1. Giải thích câu tổng thứ nhất, Hữu không phải hằng hữu, Vô không phải hằng vô, cho nên sinh và diệt đều là Vô thường. Hai chữ Vô thường, thông chung ba đời và riêng khác quá khứ.

2. Từ câu “nếu quá khứ sinh Sở đắc của quá khứ” trở xuống, như thứ tự mà giải thích Vô thường thứ nhất. Câu thứ hai là có sinh diệt, đời quá khứ đã sinh diệt thì gọi là pháp Vô thường, đời vị lai đang sinh và có thể diệt, gọi là pháp có sinh, đời hiện tại hiện đang sinh và sẽ diệt thì gọi là pháp có diệt. Các Hành của ba đời đều là pháp có diệt.

3. Từ câu “nếu các Uẩn kia ở tại vị lai” trở xuống, là giải thích câu thứ ba.

4. Từ câu “nếu Chủng tử” trở xuống, là giải thích câu thứ tư, vì Khổ nhân diệt cho nên sẽ sinh giải thoát, gọi đó là Lạc, vì thô trọng dứt, hiện trụ an lạc gọi đó là Lạc.

Trong Lược nghĩa có chín đôi giải thích sáu chữ “lại nữa” đầu tiên, như thứ tự mà phối hợp các Hành và Tịch lạc kia. “Pháp Vô vi gọi là Biến tri”, là Sở chứng từ Năng chứng đạo mà đặt tên, các hành quán Hữu vi khởi Vô nguyện, vì không thấy Ngã, tức là quán Không có không, cho nên Không không có Nguyện, quán các Hành khởi Thánh đế và hiện quán trái nhau. Hai pháp đoạn xứ sở y, hai pháp đó là:

1. Tùy thuận hý luận, là bốn Kiến, hoặc tất cả phiền não dưới Khổ đế.

2. Bố úy hý luận, là Ngã kiến, tức là tất cả phiền não dưới Diệt đế.

Hai pháp này cũng vậy hiện quán trái nhau. Luận này hiển hai pháp Xứ sở y, là Khổ đế và Diệt đế; tánh Sở tri không điên đảo. Sở tri là nửa bài tụng tiếp theo; Sở chứng tánh không điên đảo, tức là nửa bài tụng kế đó. Ngoại đạo chấp thế gian là thường cho nên hủy báng an lạc của Niết-bàn, gọi là Bất cộng.

Đoạn thứ hai trong phần tụng, câu thứ nhất là Đạo đế cùng với Diệt đế làm vết tích, câu thứ ba là từ Đạo đế mà chứng Diệt đế, câu thứ hai là Tập đế làm nhân vết tích của Khổ đế, câu thứ tư do có Tập đế mà thường thọ Khổ đế. “Nếu khéo tu tập thì người này không có buông lung phóng dật”, là những bậc Hữu học tu Đạo đế, vì trong thời quá khứ chưa có tu tập Đạo đế, có thể do bất điều thiện mà chết, hiện tại và vị lai do tu tập Đạo đế, không do bất điều thiện mà chết, chư A-la-hán vị lai không có chết, cũng gọi là không do điều thiện và bất điều thiện mà chết. Phóng dật thì ngược lại điều này.

Trong Lược nghĩa, tánh của Xứ và Phi xứ, nhân quả của thiện ác, thuận với tương sinh, Sở tác của tự nghiệp, không phải Tha tác và Vô nhân. “Sử đối với đệ tử làm chỗ nên làm”, pháp dạy răn, tự chỗ hiểu nghĩa của các đệ tử, nương vào sư truyền dạy mà tu đoạn pháp. “Là người có thể thuận theo ác giới đào huyết chôn nhân duyên của giới”, là có thể phát thân ngữ ý, gọi là nhân duyên của giới, tức Cựu dịch gọi là ác Thi-la. Làm như xấu thiện giới cho nên gọi là Ác giới, không phải giới thể xấu ác. Phạm căn bản của các thiện giới, gọi là đào huyết chôn nhân duyên của giới, tức là tương bất chánh. Tương bất chánh, tức là tư duy bất chánh và phiền não v.v... Bốn nghĩa trong Lược nghĩa phối hợp với nửa bài tụng trên, trong giải thích tụng này chỉ giải thích nửa bài tụng trên.

Trong văn của đoạn thứ năm phân làm hai đoạn:

1. Giải thích ba câu trên.
2. Giải thích câu thứ tư.

Trong văn giải thích có hai đoạn:

1. Lấy tám loại Quán mà quán nghiệp nghiệp quả báo của chư hữu tình.

2. Giải thích câu thứ tư.

Trong đoạn thứ nhất lại có hai phần:

1. Thuyết minh riêng tám Quán.
2. Từ câu “giới như vậy thiện nam tử” trở xuống, kết làm bốn bài tụng.

Bài thứ nhất và bài thứ hai, như thứ tự mỗi bài đều nhiếp ba bài; bài thứ ba và bài thứ tư, như thứ tự mỗi bài đều nhiếp một bài.

Trong Lược nghĩa đó, “thuyết minh quả của thiện ác, bao gồm chỗ đắc quả” gọi là Như lý tư; “nghiệp nghiệp quả báo, cho đến ngăn dứt các ác nghiệp này cuối cùng không nên làm”, gọi là Như lý tư, là các pháp đầu tiên tùy theo các pháp hành.

